

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2026/KDTM-PT

Ngày: 26-3-2026

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán sắt thép

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Thư ký phiên toà: Bà Lâm Hỷ Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26-3-2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 402/2025/TLPT-KDTM ngày 24-12-2025 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán sắt thép”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1085/2025/KDTM-ST ngày 25-9-2025 của Toà án nhân dân Khu vực O, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 502/2026/QĐ-PT ngày 26-01-2026, Quyết định hoãn phiên toà số 2363/2026/QĐ-PT ngày 26-02-2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại thép T.

Địa chỉ: Số 29 đường A2, phường B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phương Ngọc T1 - Chức vụ: Tổng giám đốc. **Địa chỉ:** Số 29 đường A2, phường B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức V, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 835/38 đường C4, phường E3, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 12-5-2025). (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Bùi Văn T2, sinh năm 1960 – Luật sư Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 32/27 đường M3, phường N4, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

Bị đơn: Tổng Công ty Xây dựng Công trình G - Công ty CP.

Địa chỉ: Số 623 đường A4, phường V5, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Ngọc D - Chức vụ: Tổng giám đốc; địa chỉ: Xóm B5, phường L4, tỉnh Nghệ An.

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Xây dựng Công trình G - Công ty CP; địa chỉ: Số 185 đường F1, phường Y1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Minh H, sinh năm 1977; địa chỉ: 83A đường R5, phường I4, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền số 34/2026/UQ-TCT ngày 20-01-2026). (xin vắng mặt)

Người kháng cáo: Tổng Công ty Xây dựng Công trình G - Công ty CP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại thép T trình bày:

Ngày 04-01-2016, Công ty Thi công C – Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình G – Công ty CP (Bên mua) và Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại thép T (sau đây gọi là Công ty T) ký Hợp đồng mua bán sắt thép số: 01/HĐMB 2016, có nội dung:

Công ty T bán cho Công ty Thi công C – Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình G – Công ty CP, số lượng, quy cách, đơn giá, thời gian, địa điểm giao hàng theo từng đơn hàng.

Phương thức thanh toán: Bên mua thanh toán chuyển khoản cho bên bán 100% giá trị đơn hàng trong hạn 60 ngày tính từ ngày nhận hàng.

Thực hiện hợp đồng, Công ty T đã giao hàng sắt thép cho Công ty Thi công C theo các biên bản giao hàng được ký nhận giữa hai bên và xuất các hoá đơn giá trị gia tăng như sau:

- Hoá đơn số 0000493 ngày 27-6-2016 là 554.347.831 đồng.
- Hoá đơn số 0000495 ngày 29-6-2016 là 427.881.097 đồng.
- Hoá đơn số 0000499 ngày 22-7-2016 là 466.588.694 đồng.
- Hoá đơn số 0000003 ngày 30-7-2016 là 1.062.370.881 đồng.
- Hoá đơn số 0000030 ngày 12-10-2016 là 901.383.340 đồng.
- Hoá đơn số 0000031 ngày 12-10-2016 là 1.118.768.904 đồng.
- Hoá đơn số 0000072 ngày 13-12-2016 là 845.484.869 đồng.
- Hoá đơn số 0000079 ngày 28-12-2016 là 367.029.749 đồng.

Tổng cộng giá trị hàng sắt mua bán theo các hoá đơn giá trị gia tăng là 5.743.855.365 đồng; hai bên đã ký các Bản xác nhận công nợ như sau:

1/ Bản xác nhận công nợ ngày 31-12-2016, Công ty Thi công C còn nợ: 10.925.855.365 đồng;

2/ Bản xác nhận công nợ ngày 30-12-2017, Công ty Thi công C còn nợ: 5.943.855.365 đồng;

3/ Bản xác nhận công nợ ngày 31-7-2018, Công ty Thi công C còn nợ: 5.743.855.365 đồng;

4/ Bản xác nhận công nợ ngày 31-12-2019, Công ty Thi công C còn nợ: 5.743.855.365 đồng;

5/ Bản xác nhận công nợ ngày 31-12-2020, Công ty Thi công C còn nợ: 5.743.855.365 đồng;

Từ khi xác nhận công nợ sau cùng vào ngày 31-12-2020 đến nay Công ty Thi công C chưa thanh toán cho Công ty T khoản tiền nào.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn 5.743.855.365 đồng theo bản xác nhận công nợ sau cùng đến ngày 31-12-2020 và tiền lãi chậm thanh toán.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Luật sư Bùi Văn T2 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 5.743.855.365 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn rút yêu cầu Bị đơn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn Tổng Công ty Xây dựng Công trình G - Công ty CP không có yêu cầu phản tố. Toà án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà cho Bà Lê Thị Minh H đại diện theo ủy quyền của Bị đơn nhưng bà Hiền không gửi văn bản ý kiến cho Toà án cũng như không tham gia phiên toà.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1085/2025/KDTM-ST ngày 25-9-2025 của Toà án nhân dân Khu vực O, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại thép T.

- Buộc Tổng Công ty Xây dựng Công trình G – Công ty CP phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại thép T số tiền 5.743.855.365 (năm tỷ, bảy trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, ba trăm sáu mươi lăm) đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại thép T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại thép T cho đến khi thi hành xong, Tổng Công ty Xây dựng Công trình G - Công ty CP còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh

toán tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 23-10-2025, Bị đơn Tổng Công ty Xây dựng Công trình G - Công ty CP có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 1085/2025/KDTM-ST ngày 25-9-2025 của Toà án nhân dân Khu vực O, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét, xác định lại số tiền nợ và thời gian thanh toán mà Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn.

Ngày 26-3-2026, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn đề cùng ngày của người đại diện theo uỷ quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn; người đại diện theo uỷ quyền của Bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên toà. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn; căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1085/2025/KDTM-ST ngày 25-9-2025 của Toà án nhân dân Khu vực O, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại thép T khởi kiện Tổng Công ty Xây dựng Công trình G - Công ty CP yêu cầu thanh toán tiền nợ theo hợp đồng mua bán sắt thép được ký kết giữa hai bên. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; Bị đơn có địa chỉ chi nhánh tại phường Y1, do đó Toà án nhân dân Khu vực O, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 25-9-2025, Toà án nhân dân Khu vực O xét xử sơ thẩm; ngày 29-10-2025, Toà án nhân dân Khu vực O nhận được Đơn kháng cáo đề ngày 23-10-2025 của Bị đơn. Xét thấy, đơn kháng cáo trong thời

hạn luật định và hợp lệ nên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thủ tục phúc thẩm quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 38 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ngày 26-3-2026, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn đề cùng ngày của người đại diện theo uỷ quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn; người đại diện theo uỷ quyền của Bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn.

[4] Xét kháng cáo của Bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm về số tiền nợ và thời gian mà Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn; Hội đồng xét xử nhận thấy: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các bên đương sự có cơ sở xác định: Nguyên đơn và Bị đơn có ký hợp đồng mua bán sắt thép số 01/HĐMB-2016 ngày 04-01-2016; Nguyên đơn đã giao hàng sắt thép cho Bị đơn, có biên bản giao nhận hàng hoá được ký nhận giữa hai bên và xuất các hoá đơn giá trị gia tăng với tổng giá trị sắt mua bán là 5.743.855.365 đồng. Hai bên đã ký biên bản xác nhận công nợ vào các ngày 31-12-2016, 30-12-2017, 31-7-2018, 31-12-2019 và 31-12-2020, theo đó Bị đơn xác nhận còn nợ Nguyên đơn tiền mua sắt thép là 5.743.855.365 đồng, đến nay Bị đơn chưa thanh toán, gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Nguyên đơn; do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn 5.743.855.365 đồng, một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

[5] Tại cấp phúc thẩm, Bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Bị đơn. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1085/2025/KDTM-ST ngày 25-9-2025 của Toà án nhân dân Khu vực O, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty Xây dựng Công trình G1 - Công ty CP. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1085/2025/KDTM-ST ngày 25-9-2025 của Toà án nhân dân Khu vực O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Luật sửa đổi, bổ

sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2025; Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại thép T.

Buộc Tổng Công ty Xây dựng Công trình G – Công ty CP phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại thép T số tiền 5.743.855.365 (năm tỷ, bảy trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, ba trăm sáu mươi lăm) đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại thép T cho đến khi thi hành xong, Tổng Công ty Xây dựng Công trình G - Công ty CP còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại thép T.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm:

Tổng Công ty Xây dựng Công trình G – Công ty CP phải chịu án phí 113.743.855 (một trăm mười ba triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm năm mươi lăm) đồng.

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại thép T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại thép T tiền tạm ứng án phí đã nộp 59.288.000 (năm mươi chín triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn) đồng theo biên lai số 0055601 ngày 19-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận O (nay là Phòng Thi hành án Khu vực O), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm: Tổng Công ty Xây dựng Công trình G – Công ty CP phải chịu án phí 2.000.000 (hai triệu) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai số 0040578 ngày 21-11-2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./ .

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tài Hoàng Thị Bích Thảo

Trương Thị Quỳnh Trâm

TPT45163

